TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2022/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 9 - 2022
V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Nga.
2. Bà Ngô Thị Thời.

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hải Long - Thư ký Tòa án nhân dân tp Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44a/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị G, sinh năm 1977; ĐKHKTT: Số nhà ..., phường P, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: ...., phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1976; ĐKHKTT: Số nhà , phường P, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: ....., phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(*Chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Phan Thị G trình bày: Chị và anh Phạm Quốc T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 28 tháng 12 năm 1998. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T mải mê chơi bời, sống không có trách nhiệm với gia đình. Năm 2015 chị đã khởi kiện xin ly hôn với anh T, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh T tỏ ra ăn năn nên chị đã rút đơn về để vợ chồng chung sống nuôi dạy các con. Nhưng khi về chung sống với nhau anh T vẫn không

thay đổi được cách sống vẫn thường xuyên đi chơi bời thông đêm ngày này sang ngày khác. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con là Phạm Việt A, sinh ngày 05/6/2000 và Phạm Thanh T, sinh ngày 08/02/2014. Con A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con T đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con T và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con, hiện tại chị bán hàng thu nhập bình quân hàng tháng từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con phát triển bình thường.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu hợp lệ cho bị đơn là anh Phạm Quốc T và nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Tòa án cũng tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị G, anh T. Tại biên bản xác minh ngày 25/7/2022, ông trưởng khu Đ, phường T, thành phố Hải Dương xác định: Vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T mải chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nay chị G xin ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Con Phạm Thanh T nguyện vọng muốn được ở với chị G.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08 tháng 9 năm 2022, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T và đề nghị được nuôi con Phạm Thanh T, sinh ngày 08/02/2014 và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị G là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân tp Hải Dương đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa, chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị G, anh T là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị G đề nghị xử cho chị Phan Thị G được ly hôn anh Phạm Quốc T; Về con chung: Giao cho Phan Thị G nuôi Phạm Thanh T, sinh ngày 08/02/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh T có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Về án phí: Chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Quốc T đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn là chị Phan Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phạm Quốc T vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị G và anh Phạm Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 28 tháng 12 năm 1998 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của chị G, biên bản xác minh tại địa phương có căn cứ xác định trong cuộc sống anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình. Anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị G, điều này thể hiện trong quá trình anh chị sống ly thân, cả hai không quan tâm đến nhau và anh T cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị G nhưng anh T không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị G ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con là Phạm Việt A, sinh ngày 05/6/2000 và Phạm Thanh T, sinh ngày 08/02/2014. Con A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con T đang ở với chị G. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung của anh chị đều chính đáng, xuất phát từ tình cảm của cha mẹ dành cho con. Hiện tại cả hai có thu nhập ổn định. Trong vụ án này, cháu Phạm Thanh T không thuộc trường hợp pháp luật bắt buộc phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng (trừ trường hợp người mẹ không có đủ điều kiện nuôi con) nhưng ở lứa tuổi này cháu vẫn còn nhỏ và rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ và chị G là người có đủ điều kiện nuôi con, có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, nguyện vọng của cháu muốn được ở với chị G. Tại khoản 4 Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm...giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ". Như vậy, việc giao con cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục không chỉ đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu T mà còn giúp đỡ chị G thực hiện tốt thiên chức cao cả của người mẹ là được trực tiếp nuôi dưỡng, dậy dỗ con cái, điều đó hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh

Hải Dương. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết

[5] Về án phí: Chị G khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị G. Xử cho chị Phan Thị G ly hôn anh Phạm Quốc T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Phan Thị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Phạm Thanh T, sinh ngày 08/02/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0000129 ngày 11/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (Chị G nộp biên lai cho Tòa án ngày 17/5/2022).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường P;
- Chi cục THADS tp. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tú